

1

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên P; địa chỉ: số 129-131 Hoàng Quốc V, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

* *Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Vũ L1 – Giám đốc thu hồi nợ khách hàng cá nhân; Vắng mặt;

* *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Anh T7 (Có mặt); ông Nguyễn Văn T8 (Có mặt); Bà Lê Thùy L1 (Vắng mặt);

(Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu mua xe ô tô nên ngày 7/6/2017 Trần Văn T đến Công ty cổ phần Toyota Thăng L2 mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu đen (số máy 2AR1680609, số khung: 3FK0H60105387) với giá 1.314.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười bốn triệu đồng) bằng hình thức trả góp, T vay của ngân hàng Tiên P chi nhánh Thăng L2 số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và thế chấp tài sản chính là chiếc xe ô tô nêu trên. Sau khi mua xe ô tô, T làm thủ tục đăng ký xe tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hòa Bình và đã được cấp đăng ký xe số 007876 (Biển số xe số 28A-051.12). Sau khi được cấp đăng ký xe, T mang đăng ký xe đến một quán photocopy không quen biết ở gần trường Đại học Bách Khoa Hà Nội để thuê làm giả đăng ký xe từ đăng ký chính với giá 50.000 đồng. Sau khi làm xong, T dùng điện thoại cá nhân chụp lại đăng ký để lưu vào điện thoại.

Ngày 12/6/2017, Trần Văn T ký Hợp đồng vay số 25/2017/HDTD/TTBMB4/01 với Ngân hàng Tiên P chi nhánh Thăng L2 để vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), với thời hạn vay 7 năm kể từ ngày 13/6/2017 đến 13/6/2024 và ký Hợp đồng thế chấp số 25/2017/HDBD/TTBMB4/01 thế chấp chiếc xe ô tô (BKS 28A-051.12) đăng ký chính của chiếc xe trên được T nộp và lưu giữ tại ngân hàng Tiên P, còn xe ô tô T được ngân hàng giao quản lý, sử dụng.

Ngày 20/8/2018, T gặp Lưu Văn M trú tại tổ 01, phường Phương L4, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa Bình để trao đổi, thỏa thuận bán chiếc xe ô tô BKS 28A-051.12 với giá 700.000.000 đồng cho Lưu Văn M, do chưa có đủ tiền nên Lưu Văn M đặt cọc trước cho T 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/9/2018 thanh toán nốt số tiền còn lại và nhận xe, T giao cho M 01 đăng ký xe là chiếc đăng ký mà T đã thuê làm giả trước đó, khi giao T không cho M biết đây là đăng ký giả và xe đang thế chấp ở đâu. Đến ngày 20/9/2018, đến hạn giao nhận tiền và xe nhưng T không giao xe cho M như thỏa thuận, không trả lại cho M số tiền 100.000.000 đồng đã đặt cọc.

Ngày 14/3/2018 T đến Quỹ tín dụng liên phường Phương L - Đồng T6 ký Hợp đồng tín dụng số DT18.18/HDTD để vay 500.000.000 đồng (Năm trăm

triệu đồng) với tài sản thế chấp vẫn chính là chiếc xe ô tô (BKS 28A-051.12). Do Quỹ tín dụng liên phường Phương L - Đồng T6 yêu cầu phải giao nộp đăng ký chính của xe ô tô nên T lại xuống quán photocopy gần trường Đại học Bách khoa Hà Nội, dùng bức ảnh chụp đăng ký xe từ trước đó trong điện thoại để thuê làm giả đăng ký xe với giá 100.000 đồng. Sau khi có đăng ký giả, T cầm về giao nộp cho quỹ tín dụng, nên đã được giải ngân 500.000.000 đồng, còn đăng ký giả được quỹ tín dụng thu và lưu kho. Xe ô tô (BKS 28A-051.12) được giao cho T tiếp tục quản lý, sử dụng.

Khoảng tháng 4/2018, muốn có tiền để chi tiêu cá nhân, T đã gặp Vũ Duy N sinh năm 1972, trú tại tổ 10, phường Dân C, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa Bình để thế chấp chiếc xe ô tô (BKS 28A-051.12) với giá 250.000.000 đồng, T đưa Ngọc đến quỹ tín dụng liên phường Phương L - Đồng T6 để xác M việc chiếc xe đang thế chấp tại đây, sau đó T và Ngọc lập giấy ủy quyền với nội dung T ủy quyền cho N thay mặt T lập, ký, trả nợ tại quỹ tín dụng thay cho T. Mục đích của việc lập giấy ủy quyền này là để nếu T không trả nợ cho Ngọc thì Ngọc sẽ trả hết nợ của T tại quỹ tín dụng và lấy đăng ký ô tô đang thế chấp tại đây. Sau đó Ngọc giao cho T 250.000.000 đồng và giữ tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô (BKS 28A-051.12) đồng thời trả tiền lãi hàng tháng tại quỹ tín dụng liên phường Phương L - Đồng T6.

Khoảng tháng 12/2018 T gặp Nguyễn Ngọc A (tên gọi khác là Đ1), trú tại: số 42, ngõ 558, Nguyễn Văn C1, phường Gia T7, quận Long B1, thành phố Hà Nội để thỏa thuận về việc bán xe ô tô (BKS 28A-051.12) cho Nguyễn Ngọc Anh, sau đó T và Ngọc A đến gặp anh N, Ngọc A giao cho anh N 320.000.000 đồng, gồm 250 triệu tiền mặt Ngọc đã đưa trước đó cho T, tiền lãi Ngọc trả cho quỹ tín dụng và tiền lãi của khoản vay 250.000.000 đồng. Sau đó Vũ Duy N giao xe ô tô (BKS 28A-051.12) cho Nguyễn Ngọc Anh.

Khoảng 1 tuần sau, T lại gặp Ngọc để thỏa thuận về việc bán lại chiếc xe ô tô (BKS 28A-051.12) cho anh N với giá 900.000.000 đồng, sau đó T và anh N xuống Hà Nội gặp Nguyễn Ngọc A, tại đây sau khi thỏa thuận, Vũ Duy N đã trả cho Ngọc A 340.000.000 đồng gồm 320.000.000 đồng Ngọc A đưa cho anh N trước đó và tiền phạt 20.000.000, sau đó anh N đưa thêm cho T 60.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), còn lại 500.000.000 đồng thì anh N có trách nhiệm trả vào quỹ tín dụng liên phường Phương L - Đồng T6 để tắt toán khoản vay của T. Toàn bộ quá trình trao đổi, mua bán, thỏa thuận thì T không cho anh N biết xe ô tô đang thế chấp ở ngân hàng Tiên P và đăng ký xe nộp ở Quỹ tín dụng liên phường Phương L - Đồng T6 là giả. Do tin tưởng Trần Văn T nên anh Vũ Duy N đã nộp 500.000.000 đồng vào quỹ tín dụng liên phường để tắt toán hợp đồng tín dụng của T tại đây và được quỹ tín dụng bàn giao lại đăng ký xe ô tô 28A-051.12 số 007876 mà Trần Văn T đã nộp vào trước đó. Anh Vũ Duy N sử dụng đăng ký này để tiến hành làm thủ tục sang

tên đôi chủ thì phát hiện đây là đăng ký giả. Sau khi thực hiện các hành vi phạm tội, Trần Văn T bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 15/6/2020 T bị bắt theo Quyết định truy nã của Công an tỉnh Hòa Bình.

Đối với đăng ký xe Trần Văn T giao cho Lưu Văn M:

- Tại Kết luận giám định số 299/KLGD-CAT-PC09 ngày 08/11/2019 và Kết luận giám định số 143/KLGD-CAT-PC09 ngày 04/06/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận:

+ Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007876, ghi tên Trần Văn T sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ 2, phường Đồng T1, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa Bình là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

+ Hình dấu tròn có nội dung: “PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG, CÔNG AN TỈNH HÒA BÌNH”, hình dấu chức danh “Thượng tá: Nguyễn Văn Hải” được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

+ Chữ ký đứng tên thượng tá Nguyễn Văn H3 trên chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007876 và chữ ký của thượng tá Nguyễn Văn H3 “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hòa Bình không phải do cùng một người ký ra (Là chữ ký trực tiếp, ký giả mạo chữ ký của thượng tá Nguyễn Văn H3).

Đối với đăng ký xe Trần Văn T nộp tại Quỹ tín dụng liên phường Phương L - Đồng T6.

- Tại Kết luận giám định số 51/KLGD-CAT-PC09 ngày 10/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận:

+ Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007876 đứng tên chủ xe Trần Văn T sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ 02, phường Đồng T1, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa Bình là giả. (Mẫu chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007876, hình dấu tròn, hình dấu chức danh được làm giả bằng phương pháp in phun màu. Chữ ký đứng tên thượng tá Nguyễn Văn H3 trên chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007876 với chữ ký của thượng tá Nguyễn Văn H3 - Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hòa Bình không phải do cùng một người ký ra).

Đối với giấy biên nhận mua bán đặt cọc tiền của Trần Văn T và Lưu Văn M và giấy nhận tiền giữa Trần Văn T và Vũ Duy N.

Tại Kết luận giám định số 113 ngày 27/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: Chữ viết, chữ ký trên giấy nhận tiền ngày 10/1/2019 (ký hiệu A1); chữ viết tại mặt trước, từ dòng 1 đến dòng 4 mặt sau và chữ ký, chữ viết họ tên Trần Văn T dưới mục “Người bán” trên giấy biên nhận mua bán đặt cọc tiền ngày 20/8/2018 (ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký trên 03 bản tự khai của Trần Văn T ngày 15/6/2020, 16/6/2020, 23/7/2020 (Ký hiệu M1, M2, M3) do cùng một người viết và ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HS-ST ngày 14/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại là 01 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Bồi thường cho anh Lưu Văn M: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Bồi thường cho anh Vũ Duy N: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/5/2021, bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/5/2021, người bị hại anh Vũ Duy N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc Quỹ tín dụng nhân dân liên phường Phương L – Đồng T6 phải trả số tiền 500.000.000 đồng cho anh và đề nghị được trả nốt số tiền cho ngân hàng Tiên P, nếu không thì yêu cầu Ngân hàng Tiên P trả anh N số tiền anh đã trả cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Bị cáo xin được khoan hồng giảm nhẹ để sớm được trở về với gia đình, xã hội để khắc phục hậu quả vụ án do bị cáo đã gây ra cho người bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo, cho rằng: Sau khi vụ án bị phát hiện cho đến nay thì bị cáo Trần Văn T đều thành khẩn khai báo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất éo le, vợ đau ốm lâu ngày không làm gì được, trong khi các con của bị cáo còn quá nhỏ dại, bị cáo là trụ cột chính của gia đình. Từ đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ cho bị cáo T một phần hình phạt tù để bị cáo sớm trở về chăm lo gia đình và tìm cách khắc phục bồi thường cho bị hại.

Người bị hại anh Vũ Duy N: Đề nghị Hội đồng xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho bị hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Vũ Duy N: Luật sư Nguyễn Thị Thanh P nêu ra rất nhiều nội dung, trong đó có việc người bị hại anh N đã trả tiền thay cho bị cáo T tại ngân hàng Tiên P, nhưng trong bản án sơ thẩm không đề cập giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho anh N và Luật sư Phương cũng đề nghị HĐXX xem xét tư cách tham gia tố tụng trong vụ án đối

với quỹ tín dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án khách quan – toàn diện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, không có đủ căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo T, cũng như nội dung kháng cáo của người bị hại. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 22 ngày 14-5-2021 của TAND tỉnh Hòa Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T cho rằng cả hai giao dịch mà bị cáo vay tiền của anh Vũ Duy N và của anh Lưu Văn M đều là vay lãi cá nhân, nên hành vi của bị cáo không phải là lừa đảo để chiếm đoạt tài sản; đồng thời bị cáo T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo là quá nặng. HĐXX phúc thẩm thấy: Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo T đã có nhiều lần khai nhận bị cáo đã lừa đảo anh M và anh Ngọc, vì bị cáo đã có hành vi gian dối làm giả giấy tờ đăng ký xe ô tô để sử dụng vào việc thế chấp tài sản, bị cáo đưa xe ô tô ra để làm giả giấy tờ đăng ký xe ô tô ra để tiếp tục giao dịch với anh M và anh N và do anh M, anh N tin là thật thì mới đồng ý mua xe ô tô của bị cáo và mới có việc giao tiền cho bị cáo, cũng như đã thay bị cáo nộp tiền vào ngân hàng, để được lấy ô tô về như hai bên đã thỏa thuận. Như vậy, do bị cáo Trần Văn T có hành vi gian dối từ đầu là đưa tài sản là xe ô tô mà bị cáo đã thế chấp cho ngân hàng Tiên P để rồi tiếp tục giao dịch với anh M và anh N làm cho anh M, anh N tin tưởng là thật thì mới giao tiền cho bị cáo và sau khi nhận được tiền thì bị cáo sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân của bị cáo mà không trả lại cho anh M và anh N, lại còn bỏ trốn, cơ quan điều tra phải truy nã thì mới bắt được bị cáo và đến nay bị cáo vẫn chưa trả lại tiền cho các bị hại.

Xét số tiền bị cáo chiếm đoạt của những bị hại là đặc biệt lớn (1 tỷ đồng) và bị cáo cùng một lúc phạm 02 tội: do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy mức hình phạt 16 năm tù của cả hai tội đối với bị cáo là thỏa đáng, phù hợp với tính chất - mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, chứ không phải quá nặng như nội dung đơn kháng cáo của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù của bị cáo được nữa, mà phải giữ nguyên như bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với bị cáo, có như vậy thì mới có đủ thời gian để vừa trừng trị - vừa giáo dục đối với bị cáo và mới đảm bảo tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

Đối với nội dung kháng cáo của người bị hại anh Vũ Duy N về việc anh

Nhề nghị xác định lại tư cách tham gia tổ tụng của bị hại đối với quỹ tín dụng phường Phương L - Đồng T6 yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân phường Phương L – Đồng T6 trả lại cho bị hại N 500 triệu đồng là số tiền mà bị hại N đã tất toán tại Quỹ tín dụng thay cho bị cáo Trần Văn T; đồng thời bị hại N đề nghị xem xét lại việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giao xe ô tô cho ngân hàng Tiên P mà không đề cập gì đến việc bị hại N là không đúng.

Về nội dung này Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Sở dĩ Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quỹ tín dụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án mà không xác định người bị hại (nguyên đơn dân sự) trong vụ án là do quỹ tín dụng đã được bị cáo Trần Văn T thông qua bị hại N đã tất toán khoản nợ mà bị cáo vay trước khi xảy ra vụ án nên Quỹ tín dụng không có đơn yêu cầu phải giải quyết nữa và do không có đơn yêu cầu giải quyết thì không phải là nguyên đơn dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quỹ tín dụng là người có quyền lợi liên quan, mà không phải là người bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản giữa bị cáo T với Ngân hàng TMCP Tiên P ký ngày 12/6/2017 đã thỏa thuận “Trong thời hạn bảo đảm cho Ngân hàng TP Bank thì bên bảo đảm không được đem bán, tặng, cho thuê, cho mượn, cầm đồ hoặc đem đi thế chấp tiếp để đảm bảo bất cứ nghĩa vụ nào, dưới bất kỳ hình thức nào, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng TP Bank là cơ quan đã cho bị cáo T vay tiền.

Tại Hợp đồng thế chấp tài sản giữa bị cáo Trần Văn T với Quỹ tín dụng nhân dân liên phường Phương L – Đồng T6 ngày 14-3-2018 đã quy định về nghĩa vụ của bên thế chấp “không được chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho với hành vi dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ khác, nếu không được bên cho thế chấp đồng ý bằng văn bản.

Tại Công văn số 366 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hòa Bình đã trả lời cho cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình về việc thế chấp tài sản của Quỹ tín dụng là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi anh Vũ Duy N với bị cáo Trần Văn T thỏa thuận xong việc mua bán xe ô tô và T cho anh N biết hồ sơ giấy tờ xe ô tô đang thế chấp tại Quỹ tín dụng liên phường Phương L – Đồng T6 và đem các thủ tục giấy tờ cho anh Vũ Duy N thực hiện việc tất toán đối với khoản vay của bị cáo T tại Quỹ tín dụng để lấy hồ sơ giấy tờ xe về. Sau khi anh Vũ Duy N đã tất toán xong, lấy hồ sơ giấy tờ xe ô tô về và anh N đến cơ quan công an để làm thủ tục sang tên đổi chủ thì mới bị phát hiện giấy tờ xe ô tô là giả, từ đây vụ án mới bị phát hiện và bị cáo T mới bị truy tố - xét xử trước pháp luật.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy việc Quỹ tín dụng cho Trần Văn T vay sau đó làm thủ tục chấp nhận cho anh N tất toán thay cho Trần Văn T là đảm bảo nguyên tắc đúng như ý kiến trình bày của Quỹ tín dụng, cũng như công

văn trả lời của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Hòa Bình đã trả lời cho cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hòa Bình như đã nêu trên. Do khoản tiền vay của bị cáo T đã được tất toán xong trước khi vụ án bị phát hiện, nên Quỹ tín dụng không làm đơn yêu cầu giải quyết về phần bồi thường; do đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quỹ tín dụng tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Nội dung kháng cáo của người bị hại anh Vũ Duy N là không có căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc Quỹ tín dụng phải có trách nhiệm bồi thường đối với bị hại anh Vũ Duy N là đúng pháp luật.

Vì vậy, nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo T cũng như nội dung đơn kháng cáo của bị hại Vũ Duy N và trình bày của Luật sư cho người bị hại tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ pháp luật, nên không được tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

Do bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ, nhưng không được chấp nhận, nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và người bị hại phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên và căn cứ các Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn T và đơn kháng cáo của người bị hại anh Vũ Duy N, để giữ nguyên các quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 22 ngày 14-5-2021 của TAND tỉnh Hòa Bình.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm 02 tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Văn T 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 3 năm tù tội sử dụng tài liệu của cơ quan tổ chức.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-6-2020.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho người bị hại anh Lưu Văn M 100 triệu đồng; bồi thường cho anh Vũ Duy N 900 triệu đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; người bị hại anh Vũ Duy N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao
- VKSND tối cao
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Hòa Bình để giao cho bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng